



chē liú

车流

noun · traffic flow

Example Sentences

Zǎo gāo fēng chē liú hěn dà
早高峰车流很大。

The traffic flow is heavy during the morning rush hour.

Shì gù dǎo zhì chē liú huǎn màn
事故导致车流缓慢。

The accident caused slow traffic flow.

Zhè tiáo lù de chē liú yì zhí hěn shùn chàng
这条路的车流一直很顺畅。

The traffic flow on this road has always been smooth.

Trace each character, then write the word on your own.

车	车	车	车	车	车	车								
流	流	流	流	流	流	流	流	流	流	流				
流	流													